

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-4-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 718/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ô 2/222, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN, vắng mặt.

Bị đơn: anh Lê Quốc H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ô 2/222, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị T trình bày: chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 02-11-2007 tại UBND thị trấn GD. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với cha, mẹ chị T đến tháng 6 năm 2020 anh H bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh H; con chung có 02 người gồm: cháu Lê Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28-5-2009 và cháu Lê Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 18-11-2012 đang sống chung với chị T, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh H vắng mặt nên không thể hiện lời khai và yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống với nhau đến tháng 6 năm 2020 bỏ nhà đi cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh H ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung giao cho chị T tiếp tục nuôi.

+ Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu đề nghị không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa nh vắng mặt không lý do; chị T có đơn đề nghị xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, không có tổ chức lễ cưới nh có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn GD nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2020 anh H bỏ nhà đi cho đến nay bỏ mặt vợ, con mạnh ai nấy sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho chị T và anh H ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh thể hiện chị T và anh H có 02 người con chung gồm: cháu Lê Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28-5-2009 và cháu Lê Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 18-11-2012 đang sống chung với chị T từ khi anh H bỏ nhà đi. Hiện tại hai cháu phát triển bình thường về mọi mặt; trong quá trình lấy lời khai hai cháu yêu cầu được tiếp tục sống chung với chị T. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn với anh Lê Quốc H.

2. Về con chung: giao Lê Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 28-5-2009 và cháu Lê Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 18-11-2012 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết. Anh Lê Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nH được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012682 ngày 30-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Lê Quốc H vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- CC.THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng